

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ M
TỈNH AN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 01 – 2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN G

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công;

2. Ông Đặng Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 749/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 618/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1998; địa chỉ: số nhà 671, tổ 27, ấp Phú Hạ 2, xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

Bị đơn: Ông Ngô Minh C, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp Long T, xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm N trình bày, qua tự tìm hiểu nhau, bà N và ông C kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An G vào ngày 05/5/2016. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Ngô Gia Bảo, sinh ngày 01/4/2015, Ngô Phạm Bảo Yên, sinh ngày 11/3/2020. Hiện tại, 02 con chung đang được bà N nuôi dưỡng.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông C không lo làm ăn, không chăm lo vợ con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, thời gian này không lui tới thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông C yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông Ngô Minh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 05/5/2016 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An G cấp cho bà Phạm Thị Cẩm N và ông Ngô Minh C (bản chính); trích lục giấy khai sinh số 173/TLKS-BS ngày 19/5/2016 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An G cấp đối với Ngô Gia Bảo (bản sao); trích lục giấy khai sinh số 96/TLKS-BS ngày 23/3/2020 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An G cấp đối với Ngô Phạm Bảo Yên (bản sao).

- Bị đơn ông Ngô Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định rút lại yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung theo quy định của pháp luật và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà N và ông C kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông C không lo làm ăn, không

chăm lo vợ con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, thời gian này không lui tới thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông C. Bà N, ông C không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông C theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N, giao 02 con chung cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đình chỉ yêu cầu của bà N, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông C; bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Minh C. Đồng thời, ông C cư trú trên địa bàn huyện Chợ M. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Ngô Minh C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà N và ông C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông C không lo làm ăn, không chăm lo vợ con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, thời gian này không lui tới thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà N và ông C không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông C nhưng ông C không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông C là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Ngô Gia Bảo, sinh ngày 01/4/2015, Ngô Phạm Bảo Yến, sinh ngày 11/3/2020, hiện 02 con chung đang sinh sống với bà N, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, 02 con chung đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến ngày 07/12/2023 do cán bộ Tòa án lập, cháu Bảo đã có nguyện vọng sống chung với mẹ (bà N) khi cha mẹ ly hôn. Cháu Yến còn nhỏ và sinh sống trực tiếp cùng bà N khi ông C và bà N không còn chung sống, do đó Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N đã tự nguyện rút lại yêu cầu này, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu. Xét thấy, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu của bà N.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm N.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Cẩm N được ly hôn với ông Ngô Minh C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 05/5/2016 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An G cấp cho bà Phạm Thị Cẩm N và ông Ngô Minh C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Cẩm N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Ngô Gia Bảo, sinh ngày 01/4/2015, Ngô Phạm Bảo Yên, sinh ngày 11/3/2020.

Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị Cẩm N yêu cầu ông Ngô Minh C cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung Ngô Gia Bảo, sinh ngày 01/4/2015, Ngô Phạm Bảo Yên, sinh ngày 11/3/2020 theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị Cẩm N cùng các T viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ngô Minh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014587 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An G cấp ngày 13 tháng 11 năm 2023; bà Phạm Thị Cẩm N đã nộp đủ án phí.

Ông Ngô Minh C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Cẩm N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An G xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Ngô Minh C được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An G (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An G (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

